

GIỮA HỌC KÌ I

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Bài 1. Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.

- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân; cơ cấu kinh tế và chỉ số HDI.
- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.
- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KT- XH của các nhóm nước.
- Thu thập được tư liệu về KT-XH của một số nước từ các nguồn khác nhau.

Bài 2. Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.
- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế.
- Phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới.

Bài 3. Một số tổ chức khu vực và quốc tế

- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế.
- Liên hệ vai trò của Việt Nam khi tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế.

Bài 4. Thực hành: Tìm hiểu về Toàn cầu hóa, khu vực hóa

- Suru tầm và hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hóa và khu vực hóa.
- Trao đổi và thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa, khu vực hóa đối với các nước đang phát triển.

Bài 5. Một số vấn đề an ninh toàn cầu

Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình

Bài 6. Thực hành: Viết báo cáo về nền kinh tế tri thức

Thu thập tư liệu, viết báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

Bài 7. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Mỹ La – tinh

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày được vấn đề đô thị hóa, một số vấn đề về dân cư, xã hội và phân tích ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực Mỹ Latinh.
- Vẽ được biểu đồ, rút ra nhận xét.

Bài 8. Thực hành: Viết báo cáo về tình hình phát triển KT – XH ở Cộng hòa Liên bang Bra-xin

Viết được báo cáo truyền đạt những nét cơ bản về tình hình phát triển kinh tế Bra-xin và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết.

B. LUYỆN TẬP

Phần I. TNKQ

*** CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN:**

Câu 1. Các chỉ tiêu thường được sử dụng để phân chia các nước theo trình độ phát triển kinh tế **không** bao gồm:

- A. tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người
- B. cơ cấu ngành kinh tế.
- C. chỉ số phát triển con người.
- D. chỉ số tiêu thụ điện năng.

Câu 2. Chỉ số phát triển con người (HDI) **không** phản ánh chỉ tiêu nào sau đây?

- A. sức khỏe.
- B. khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật.
- C. giáo dục.
- D. thu nhập của con người.

Câu 3. Dựa vào GNI/người năm 2020, WB đã chia các nước thành các nhóm:

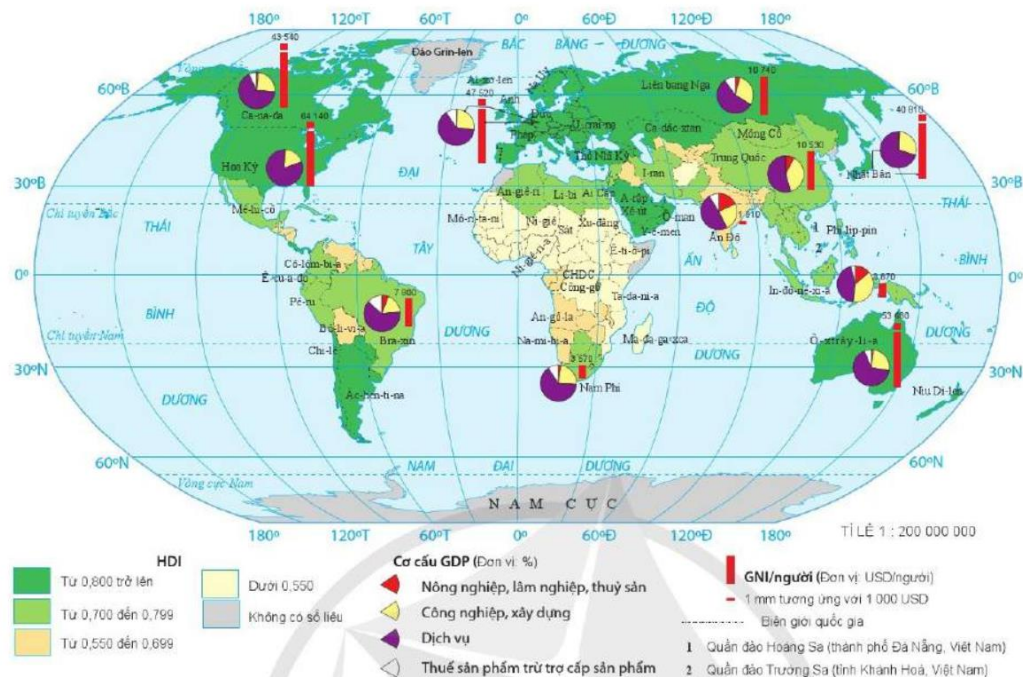
- A. thu nhập cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập thấp.
- B. thu nhập rất cao, thu nhập cao, thu nhập trung bình, thu nhập thấp.
- C. thu nhập rất cao, thu nhập khá, thu nhập trung bình, thu nhập kém.
- D. thu nhập cao, thu nhập trung bình cao, thu nhập trung bình thấp, thu nhập thấp.

Câu 4. Trong cơ cấu kinh tế ở nhóm các nước phát triển thì chiếm tỉ trọng cao nhất là?

- A. ngành nông nghiệp.
- B. ngành công nghiệp.
- C. ngành dịch vụ.
- D. thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm)

Cho lược đồ: HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020.

Hãy đọc và trả lời các câu hỏi 5 – 7 dưới đây:



Hình 1. HDI, cơ cấu GDP và GNI/người của một số nước trên thế giới năm 2020

(Nguồn: WB, UN, 2022; Niên giám thống kê Việt Nam 2021)

Câu 5. Quốc gia nào trong các nước sau đây có GNI/người năm 2020 cao nhất?

A. Ôt-xtrây-li-a. B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. Đức.

Câu 6. Năm 2020, tỉ trọng ngành dịch vụ ở quốc gia nào sau đây là thấp hơn cả?

A. Ca-na-đa. B. Bra-xin. C. Nam Phi. D. Ấn Độ.

Câu 7. Quan sát và cho biết các nước phát triển tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Bắc Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a. B. Nam Mỹ, Tây Âu, Ô-xtrây-li-a.

C. Bắc Mỹ, Đông Nam Á, Tây Âu. D. Bắc Mỹ, Đông Á, Ô-xtrây-li-a.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây thường gặp ở các nước đang phát triển?

A. Thu nhập bình quân theo đầu người cao.

B. Tốc độ tăng trưởng kinh tế rất nhanh.

C. Tuổi thọ trung bình của dân cư còn thấp.

D. Tỉ trọng ngành dịch vụ rất cao trong cơ cấu GDP.

Câu 9. Hình ảnh nào sau đây là biểu tượng của tổ chức thương mại Thế giới ?

A.



B.



C.



D.



Câu 10. Nhóm nước phát triển và nước đang phát triển khác nhau chủ yếu do

A. Đặc điểm tự nhiên và dân cư, xã hội.

B. Tài nguyên thiên nhiên và cơ cấu ngành kinh tế.

C. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

D. Tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Câu 11. Biểu hiện nào sau đây **không** phải là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

- A. Chiến tranh xảy ra trên toàn cầu.
- B. Tăng nhanh thương mại quốc tế.
- C. Phát triển các hệ thống tài chính quốc tế.
- D. Tăng cường vai trò của các công ty đa quốc gia.

Câu 12. Các hoạt động nào sau đây hiện nay thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài?

- A. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.
- B. Nông nghiệp, thủy lợi, giáo dục.
- C. Văn hoá, giáo dục, công nghiệp.
- D. Du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 13. Biểu hiện về vai trò của các công ty xuyên quốc gia là

- A. mạng lưới liên kết tài chính toàn cầu mở rộng toàn thế giới.
- B. đầu tư nước ngoài tăng rất nhanh, nhất là lĩnh vực dịch vụ.
- C. vai trò của Tổ chức Thương mại Thế giới ngày càng lớn.
- D. các công ty xuyên quốc gia hoạt động với phạm vi rộng.

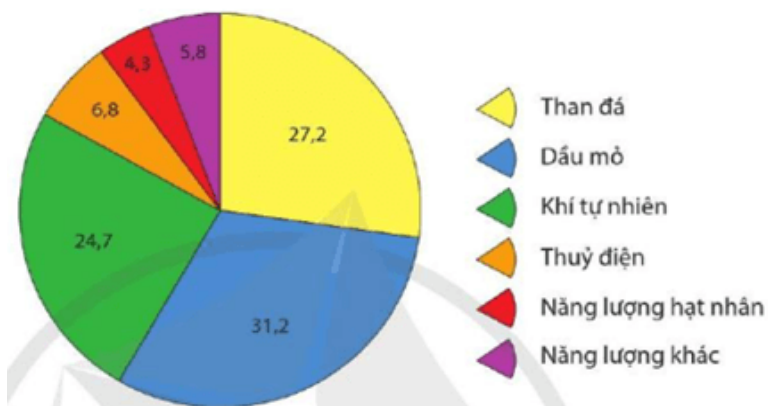
Câu 14. ISO 9001, ISO 27701, Fair Trade, EER...được áp dụng ngày càng rộng rãi là biểu hiện trực tiếp của

- A. các hợp tác song phương và đa phương được kí kết.
- B. sự mở rộng phạm vi hoạt động của các công ty xuyên quốc gia.
- C. phát triển mạnh mạng lưới tài chính toàn cầu.
- D. nhiều nước tham gia các tiêu chuẩn toàn cầu trong sản xuất kinh doanh.

Câu 15. MERCOSUR là tên viết tắt của tổ chức khu vực hóa kinh tế nào sau đây?

- A. Thị trường chung Nam Mỹ.
- B. Liên minh châu Âu .
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ.

Dựa vào biểu đồ sau, trả lời từ câu 16 – 17:



CƠ CẤU SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA THẾ GIỚI NĂM 2020 (%)

Câu 16. Theo biểu đồ, cho biết dạng năng lượng nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất?

- A. Than đá.
- B. Dầu mỏ.
- C. Khí tự nhiên.
- D. Thủy điện.

Câu 17. Theo biểu đồ, cho biết dạng năng lượng nào sau đây chiếm tỉ lệ nhỏ nhất?

- A. Thủy điện.
- B. Năng lượng hạt nhân.
- C. Dầu mỏ.
- D. Khí tự nhiên.

Câu 18. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nước đã nhanh chóng nắm bắt được cơ hội nào dưới đây nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Nhận chuyển giao các công nghệ lỗi thời, gây ô nhiễm.
- B. Đón đầu được công nghệ hiện đại và áp dụng vào sản xuất.

C. Mở rộng thị trường buôn bán với nhiều nước trên thế giới.

D. Phá bỏ hàng rào thuế quan, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

Câu 19. Hệ quả tích cực của khu vực hoá kinh tế **không** phải là

A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

B. tăng cường tự do hoá thương mại các nước trong khu vực.

C. góp phần bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.

D. gia tăng sức ép tính tự chủ về quyền lực của mỗi nước.

Câu 20. Tính đến tháng 1/2020, Tổ chức Thương mại Thế giới có tất cả bao nhiêu thành viên?

A. 164.

B. 150.

C. 162.

D. 153.

Câu 21. Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương viết tắt là

A. EU.

B. APEC.

C. NAFTA.

D. WTO.

Câu 22. Mục tiêu hàng đầu của Liên hợp quốc là

A. duy trì một nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.

B. giải quyết và ngăn ngừa xung đột, viện trợ nhân đạo.

C. thúc đẩy dân chủ, ổn định tiền tệ và phát triển kinh tế.

D. bảo vệ môi trường, nhân quyền, phát triển bền vững.

Câu 23. Trụ sở của Liên hợp quốc đặt ở quốc gia nào sau đây?

A. Liên bang Nga.

B. Anh.

C. Trung Quốc.

D. Hoa Kỳ.

Câu 24. Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây muộn nhất?

A. UN.

B. APEC.

C. WTO.

D. IMF.

Câu 25. Biện pháp nào sau đây **không** được sử dụng để mỗi quốc gia chủ động đảm bảo an ninh lương thực quốc gia?

A. Đẩy mạnh việc sản xuất lương thực.

B. Bình ổn giá lương thực trong nước.

C. Ưu tiên thương mại hàng thực phẩm.

D. Tích cực giữ nước, tạo thương hiệu.

Câu 26. Nhận định nào sau đây **không** đúng với hoạt động chính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế?

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm sự ổn định của hệ thống tiền tệ quốc tế.

B. Giám sát hệ thống tài chính toàn cầu, cung cấp các khoản vay cho nước nghèo.

C. Hỗ trợ kỹ thuật, giúp đỡ tài chính giảm nghèo cho các quốc gia khi có yêu cầu.

D. Duy trì nền thương mại toàn cầu tự do, thuận lợi, minh bạch và tạo ra việc làm.

Câu 27. Hiện nay, thế giới phụ thuộc chủ yếu vào năng lượng

A. hạt nhân.

B. tái tạo.

C. hóa thạch.

D. thủy điện.

Câu 28. Ủy hội sông Mê Công **không** có quốc gia nào sau đây?

A. Mi-an-ma.

B. Thái Lan.

C. Cam-pu-chia.

D. Việt Nam.

Câu 29. Tình trạng mất an ninh lương thực chủ yếu tập trung ở châu lục nào sau đây?

A. Châu Á.

B. Châu Phi.

C. Châu Âu.

D. Châu Mỹ.

Câu 30. Lĩnh vực nào sau đây thuộc an ninh truyền thống?

A. Chiến tranh cục bộ.

B. An ninh lương thực.

C. An ninh kinh tế.

D. Biến đổi khí hậu.

Câu 31. Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX liên quan nhiều đến vấn đề nào sau đây?

- A. An ninh năng lượng. B. Thiếu nguồn nước.
C. Tranh giành đất đai. D. Xung đột tộc người.

Câu 32. Ở Mỹ Latinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng A-ma-dôn. B. Vùng núi An-đét.
C. Đồng bằng La Pla-ta. D. Đồng bằng Pam-pa.

Câu 33. Vùng núi An-đét có tiềm năng lớn về

- A. khoáng sản, thủy điện và du lịch. B. thủy sản, khoáng sản và lâm sản.
C. nông sản, lâm sản và công nghiệp. D. thủy điện, vận tải và công nghiệp.

Câu 34. Khu vực Mỹ La-tinh **không** có bộ phận nào sau đây?

- A. Eo đất Trung Mỹ. B. Toàn bộ lục địa Nam Mỹ.
C. Mê-hi-cô. D. Toàn bộ lục địa Bắc Mỹ.

Câu 35. Khu vực Mỹ La-tinh tiếp giáp với các đại dương nào sau đây?

- A. Nam Đại Dương, Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
B. Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
C. Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
D. Nam Đại Dương, Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

Câu 36. Nhận định nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân cư, xã hội của Mỹ Latinh?

- A. Số dân sống dưới mức nghèo khổ đông. B. Chênh lệch giàu nghèo ngày càng lớn.
C. Đô thị hóa tự phát diễn ra khá phổ biến. D. Đa dân tộc, tỉ lệ dân theo đạo Hồi cao.

Câu 37. Cơ cấu GDP khu vực Mỹ La-tinh có sự chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp. B. Chuyển sang nền kinh tế thị trường.
C. Tăng tỉ trọng ngành dịch vụ. D. Giảm nhanh tỉ trọng nông nghiệp.

Phần II. Lí thuyết

Câu 1. Hãy trình bày về tổ chức APEC/UN.

Câu 2. Trình bày về vấn đề an ninh lương thực/an ninh mạng hiện nay.

Câu 3. Trình bày quan niệm, đặc điểm, biểu hiện của nền kinh tế tri thức.

Câu 4. Phân tích ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển kinh tế của Mỹ La- tinh.

Thực hành

Dạng 1. Đọc bản đồ tự nhiên/kinh tế - xã hội.

Dạng 2. Vẽ và nhận xét biểu đồ miền.

CUỐI HỌC KÌ I

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Bài 9. EU – một liên kết kinh tế khu vực lớn. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

- Xác định được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.

- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Vẽ được biểu đồ, nhận xét.
- Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí của EU, hệ thống hóa và trình bày theo chủ đề.

Bài 10. Thực hành: Viết báo cáo về công nghiệp Cộng hòa Liên bang Đức

Viết được báo cáo tìm hiểu về sự phát triển công nghiệp của Cộng hòa Liên bang Đức (CHLB Đức).

Bài 11. Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế khu vực Đông Nam Á

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.
- Trình bày và giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.

Bài 12. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

- So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hóa; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.
- Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.
- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.
- Khai thác, chọn lọc, hệ thống hóa được các tư liệu từ các nguồn khác nhau về địa lí khu vực ASEAN.

Bài 13. Thực hành: Tìm hiểu hoạt động du lịch và kinh tế đối ngoại của khu vực Đông Nam Á

Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu và truyền đạt được thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.

B. LUYỆN TẬP

Phần I. TNKQ

I. CÂU HỎI NHIỀU LỰA CHỌN:

Câu 1. Thời điểm được coi là năm ra đời của Liên minh Châu Âu là

- A. 1957 B. 1967 C. 1994 D. 1989

Câu 2. Trụ sở hiện nay của liên minh châu Âu được đặt ở

- A. Bruccen (Bỉ). B. Béc- lin (Đức) C. Pari (Pháp). D. Matxcova (Nga).

Câu 3. Trong các nước sau, nước nào **không** phải là thành viên của EU

- A. Thụy Sĩ. B. Đức. C. Ba Lan. D. Bỉ.

Câu 4. Vào năm 2016, nước nào sau đây tuyên bố rời khỏi EU?

- A. Pháp. B. Đức. C. Anh. D. Thụy Điển.

C. Bắt buộc nhằm tránh nguy cơ xung đột D. Tự nguyện vì mục đích bảo vệ hoà bình.

Câu 17. Sinh viên của các nước EU khi tham gia học tập tại nước thành viên đều có quyền lợi

A. được chế độ đãi ngộ đặc biệt.

B. bình đẳng như nước sở tại.

C. có sự phân biệt đối xử rõ rệt.

D. hạn chế quyền tự do đi lại.

Câu 18. Khu vực Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia?

A. 8.

B. 10.

C. 11.

D. 12.

Câu 19. Đông Nam Á tiếp giáp với các đại dương nào dưới đây?

A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

D. Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

Câu 20. Đông Nam Á chia làm 2 bộ phận là

A. Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.

C. Phía Bắc và phía Nam.

B. Đông Nam Á đồng bằng và Đông Nam Á miền núi.

D. Phía Đông và phía Tây.

Câu 21. Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Á là

A. khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, nhiều sông ngòi.

B. vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào)

C. hoạt động của gió mùa với một mùa đông lạnh thực sự.

D. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và có sự phân hóa của khí hậu.

Câu 22. Một trong những hạn chế lớn của lao động các nước Đông Nam Á là

A. lao động trẻ, thiếu kinh nghiệm.

B. thiếu lao động có tay nghề và trình độ cao.

C. lao động không cần cù, siêng năng.

D. thiếu sự dẻo dai, năng động.

Câu 23. Các nước Đông Nam Á đều có chung một đặc điểm về tự nhiên là

A. tất cả đều có tính chất bán đảo.

B. nằm chủ yếu trong vùng nội chí tuyến.

C. tất cả đều giáp biển.

D. có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

Câu 24. Sông nào dài nhất Đông Nam Á

A. Mê Công.

B. Mê Nam.

C. Irawadi.

D. Salween.

Câu 25. Đông Nam Á biển đảo là khu vực có nhiều động đất và núi lửa vì

A. nằm trong “vành đai lửa Thái Bình Dương”.

B. là nơi gặp gỡ của hai vành đai sinh khoáng thế giới.

C. phần lớn lãnh thổ là quần đảo nên nền đất không ổn định.

D. tiếp giáp Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương nên có sóng thần hoạt động.

Câu 26. Đặc điểm về xã hội nào sau đây **không** thuộc các nước Đông Nam Á?

A. Đa dân tộc, một số dân tộc phân bố rộng rãi, không theo biên giới quốc gia.

B. Là nơi giao thoa của các nền văn hóa lớn trên thế giới

C. Phần lớn các quốc gia theo thiên Chúa giáo và Hồi giáo

D. Việc phân bố một số dân tộc không theo biên giới gây khó khăn cho việc quản lí, ổn định chính trị.

Câu 27. Vì sao việc phát triển giao thông của Đông Nam Á lục địa theo hướng đông - tây gặp khó khăn?

- A. các dãy núi theo hướng Tây Bắc – Đông Nam hoặc Bắc - Nam
- B. việc giao lưu theo hướng Đông - Tây ít đem lại lợi ích hơn.
- C. các dãy núi chủ yếu chạy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam
- D. Đông Nam Á lục địa ít giao lưu theo hướng Đông - Tây

Câu 28. Cho bảng số liệu: **Tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia Đông Nam Á.**

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	Phi-lip-pin	Xin – ga - po	Thái lan	Việt Nam
2010	199,6	236,4	340,9	116,3
2018	330,9	364,1	504,9	254,1

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia, năm 2018 so với năm 2010?

- A. Thái lan tăng ít nhất
- B. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.
- C. Việt Nam tăng nhanh nhất.
- D. Xin – ga – po tăng nhiều nhất

Câu 29. Ngành nào sau đây đặc trưng cho nông nghiệp Đông Nam Á?

- A. Trồng cây công nghiệp, cây ăn quả.
- B. Trồng lúa nước.
- C. Chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà.
- D. Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

Câu 30. Một trong những hướng phát triển công nghiệp của các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. Chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu trong nước.
- B. Đầu tư mạnh vào công nghiệp khai khoáng.
- C. Phát triển các ngành có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao.
- D. Ưu tiên phát triển các ngành truyền thống.

Câu 31. Cơ cấu kinh tế Đông Nam Á đang chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa biểu hiện ở:

- A. Đóng góp lớn cho GDP chủ yếu là dịch vụ.
- B. Kinh tế nông nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng.
- C. Từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp.
- D. Từ kinh tế nông nghiệp chuyển sang kinh tế công nghiệp và dịch vụ.

Câu 32. Điểm tương đồng về phát triển nông nghiệp giữa các nước Đông Nam Á và Mỹ Latinh là

- A. Thế mạnh về trồng lúa nước.
- B. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn và gia cầm.
- C. Thế mạnh về trồng cây công nghiệp nhiệt đới.
- D. Thế mạnh về trồng cây thực phẩm.

Câu 33. Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

- A. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.
- B. phát triển kinh tế, giáo dục và tiến bộ xã hội của các quốc gia thành viên.
- C. xây dựng ASEAN thành khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất.

D. giải quyết sự khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ từng nước.

Câu 34. Cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế trong khối ASEAN **không** phải là

- A. thông qua các diễn đàn, hội nghị. B. thông qua các hiệp ước, hiệp định.
C. thông qua các dự án, chương trình. D. các chuyến thăm nguyên thủ quốc gia.

Câu 35. Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về những vấn đề xã hội, môi trường đòi hỏi các nước ASEAN phải giải quyết?

- A. Sự đa dạng tôn giáo và sự hòa hợp các dân tộc ở mỗi quốc gia.
B. Thất nghiệp và sự phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài.
C. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường chưa hợp lí.
D. Sự đa dạng về truyền thống, phong tục và tập quán ở mỗi nước.

Câu 36. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA MI-AN-MA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020
(Đơn vị: triệu USD)

Năm \ Giá trị	2015	2018	2019	2020
Xuất khẩu	11432,0	16704,0	18110,0	16806,0
Nhập khẩu	16844,0	19355,0	18607,0	17947,0

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, cho biết Mi-an-ma nhập siêu lớn nhất vào năm nào sau đây?

- A. Năm 2015. B. Năm 2018. C. Năm 2019. D. Năm 2020.

Câu 37. Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA games) được tổ chức 2 năm/lần là kết quả hợp tác của các nước ASEAN trong lĩnh vực nào sau đây?

- A. Khoa học kĩ thuật. B. Kinh tế. C. Văn hóa. D. Chính trị.

II. CÂU HỎI DẠNG ĐÚNG – SAI:

Câu 1: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới:

“Về kinh tế: các nước phát triển thường có quy mô GDP lớn và tốc độ tăng trưởng GDP khá ổn định. Nhóm nước này tiến hành công nghiệp hóa từ sớm và thường tiên phong dẫn đầu trong cuộc các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới như: Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức... ngành dịch vụ có đóng góp nhiều nhất trong GDP. Hiện nay các nước phát triển tập trung vào đổi mới và phát triển các sản phẩm có hàm lượng khoa học-công nghệ và trí thức cao.

Hầu hết các nước đang phát triển có quy mô GDP trung bình và thấp nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa với tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng. Một số nước đang phát triển bắt đầu chú trọng phát triển các lĩnh vực có hàm lượng khoa học-công nghệ và trí thức cao.”

(Trích SGK – Kết nối tri thức trang 7,8 – NXB giáo dục Việt Nam).

- a. Sự khác biệt lớn nhất giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển về kinh tế là quy mô GDP.
b. Về tốc độ tăng GDP nhóm các nước phát triển có tốc độ tăng trưởng cao

hơn nhóm các nước đang phát triển.

c. Trong cơ cấu GDP nhóm nước đang phát triển hiện nay ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất.

d. Ở nhóm nước phát triển hiện nay đang phát triển nền kinh tế tri thức dựa trên khoa học công nghệ và tri thức cao.

Câu 2: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới:

“**Về xã hội:** các nước phát triển có tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số thấp, cơ cấu dân số già dẫn đến thiếu hụt lao động và chi phí phúc lợi xã hội trong tương lai. Quá trình đô thị hóa sớm, tỷ lệ dân thành thị cao, cơ sở hạ tầng khá hiện đại và đồng bộ. Người dân có chất lượng cuộc sống, tuổi thọ trung bình của người dân cao và số năm đi học từ 25 tuổi trở lên cao. Các dịch vụ y tế giáo dục có chất lượng tốt...”

(Trích SGK – Kết nối tri thức trang 7,8 – NXB giáo dục Việt Nam).

- a. Nhóm nước phát triển có chỉ số HDI cao.
- b. Khó khăn lớn nhất về xã hội ở nhóm nước phát triển hiện nay là thiếu lao động.
- c. Về xã hội hầu hết các quốc gia thuộc nhóm nước phát triển đều có chỉ số hạnh phúc cao.
- d. Để giải quyết vấn đề thiếu lao động nhóm nước phát triển khuyến khích dân nhập cư.

Câu 3: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Các nước đang phát triển có tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số đang có xu hướng giảm nhưng ở một số quốc gia còn cao. Phần lớn các nước đang phát triển có cơ cấu dân số trẻ và đang già hóa.

Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh, song tỷ lệ dân hình thị chưa cao. Chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao, trung bình và thấp. Tuổi thọ trung bình và số năm đi học trung bình của người từ 25 tuổi trở lên đang tăng dần. Các dịch vụ y tế, giáo dục đang dần được cải thiện.

- a. Sự khác biệt giữa nhóm đang nước phát triển và phát triển về xã hội là cơ cấu dân số già, tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp.
- b. Quá trình đô thị của nhóm các nước đang phát triển diễn ra với có tốc nhanh, tỉ lệ dân thành thị rất cao.
- c. Về xã hội 1 số các quốc gia thuộc nhóm nước đang phát triển có chỉ số hạnh phúc cao.
- d. Để giải quyết vấn đề thiếu việc làm, xuất khẩu lao động là 1 trong những giải pháp ở nhóm nước đang phát.

Câu 4: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Toàn cầu hóa thúc đẩy chuyên môn hóa, hợp tác hóa, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu. Toàn cầu hóa làm gia tăng các mối quan hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực, mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi, những thành tựu của khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến và công

nghe hiện đại. Toàn cầu hóa làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế.”

(Trích SGK – Cánh diều trang 10– NXB Đại học Sư phạm).

- a. Toàn cầu hóa tạo ra sự dịch chuyển các yếu tố sản xuất như lao động, vốn, công nghệ và tri thức.
- b. Các nước ứng dụng khoa học công nghệ và tri thức cao vào phát triển kinh tế, hướng tới phát triển xanh và bền vững.
- c. Toàn cầu hóa làm cho các nước nghèo có nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.
- d. Toàn cầu hóa làm mất dần bản sắc văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa truyền thống bị biến mất.

Câu 5: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“....Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực tạo nên động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, tăng cường tự do hóa thương mại, đầu tư dịch vụ giữa các quốc gia và giữa các khu vực với nhau. Lợi ích kinh tế của các nước thành viên được đảm bảo trong các tổ chức khu vực.

Khu vực hóa thúc đẩy quá trình mở cửa của thị trường ở các quốc gia, tạo lập những thị trường khu vực rộng lớn, là nền tảng cho quá trình toàn cầu hóa kinh tế thế giới. Tuy nhiên xu hướng khu vực hóa kinh tế đặt ra không ít vấn đề như tính tự chủ về kinh tế, vấn đề cạnh tranh giữa các khu vực,...” (Trích SGK- CTST trang 17 NXB GD Việt Nam)

- a. Khu vực hóa kinh tế là động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- b. Khu vực hóa hướng đến đảm bảo cùng nhau phát triển bền vững.
- c. Mỗi quốc gia chỉ tham gia một tổ chức liên kết kinh tế khu vực.
- d. Liên kết kinh tế khu vực để tăng khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường.

Câu 6: Đọc bảng số liệu, chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

Hình 1.1. Bản đồ HDI, GNI/người và cơ cấu GDP của một số nước trên thế giới năm 2020

BẢNG 1.1. GNI/NGƯỜI, CƠ CẤU GDP VÀ HDI CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2020

Nhóm nước	Chi tiêu	GNI/ người (USD)	Cơ cấu GDP (%)			Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	HDI
			Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ		
Phát triển	Đức	47 520	0,7	26,5	63,3	9,5	0,944
	Hoa Kỳ	64 140	0,9	18,4	80,1	0,6	0,920
	Nhật Bản	40 810	1,0	29,0	69,5	0,5	0,923
Đang phát triển	Bra-xin	7 800	5,9	17,7	62,8	13,6	0,758
	Cộng hòa Nam Phi	6 010	2,5	23,4	64,6	9,5	0,727
	Việt Nam	3 390	12,7	36,7	41,8	8,8	0,710

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới và Liên hợp quốc, 2022)

- a. Các đang nước phát triển có GNI/ người thấp.
- b. Trong cơ cấu GDP nhóm các nước đang phát triển ngành công nghiệp và xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất.
- c. Về chỉ số HDI hầu hết nước đang phát triển ở mức cao.
- d. Cơ cấu ngành kinh tế thể hiện trình độ phát triển khoa học - công nghệ

của nền sản xuất xã hội của 1 quốc gia.

Câu 7: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Các công ty xuyên quốc gia ngày càng mở rộng phạm vi hoạt động. Hệ thống các công ty xuyên quốc gia đã có mặt ở nhiều nước tạo nên sự liên kết chặt chẽ góp phần làm cho quá trình toàn cầu hóa trở nên sâu sắc hơn.”

(Trích SGK – Cánh diều trang 10– NXB Đại học Sư phạm).

- a. Các công ty xuyên quốc gia là 1 trong những nhân tố thúc đẩy toàn cầu hóa.
- b. Các công ty xuyên quốc gia chủ yếu tham gia lĩnh vực tài chính, công nghệ.
- c. Các công ty xuyên quốc gia tham gia chuỗi liên kết chủ yếu ở các nước đang phát triển.
- d. Các công ty xuyên quốc gia chi phối và kiểm soát hoạt động thương mại thế giới.

Câu 8: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Năm 1995, ủy hội sông Mê Công (MRC) được thành lập bao gồm các quốc gia thành viên là Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Việt Nam. Mục tiêu của ủy hội sông Mê Công là thúc đẩy các hợp tác quản lý, phát triển nước và các nguồn tài nguyên liên quan của lưu vực sông Mê Công nhằm khai thác hết tiềm năng, và mang lợi ích bền vững cho tất cả các nước trong khu vực là...”

- a. Các nước thành viên MRC nằm ở thượng nguồn sông Mê Công.
- b. 80% diện tích đất nông nghiệp ở hạ nguồn sông Mê Công dùng để sản xuất lúa gạo.
- c. Vai trò quan trọng nhất của sông Mê Công là bồi đắp phù sa hình thành các vùng đồng bằng ở hạ lưu sông.
- d. Việc khai thác và sử dụng nguồn nước lưu vực sông Mê Công còn thiếu bền vững.

Câu 9: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới.

“...Thế giới vẫn phụ thuộc nhiều vào nhiên liệu hóa thạch, trong khi đó, trữ lượng và sản lượng một số nguồn năng lượng hóa thạch có xu hướng giảm, đối mặt với nguy cơ cạn kiệt trong tương lai. Hầu hết các khu vực có vị trí chiến lược về năng lượng đặc biệt là dầu mỏ Tây Nam Á, Trung Á, Mỹ La Tinh, Bắc Phi, Biển Đông.. Là mục tiêu cạnh tranh sức ảnh hưởng của các cường quốc, làm cho vấn đề an ninh năng lượng trở nên phức tạp.”

Để giải quyết vấn đề an ninh năng lượng cần:

- a. Đẩy mạnh tiềm khám thăm dò khai thác triệt để các nguồn tài nguyên năng lượng.
- b. Đầu tư công nghệ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới.
- c. Ổn định chính trị, quản lý thị trường xuất khẩu dầu khí thế giới.
- d. Tăng cường vai trò của các tổ chức quốc tế, đàm phán, đối thoại hợp tác về vấn đề năng lượng.

Câu 10: Đọc văn bản dưới đây lựa chọn đáp án đúng sai cho các câu trả lời bên dưới. “...Kinh tế tri thức bao gồm các hoạt động như chuyển giao, nghiên cứu công nghệ... để tạo nên nhiều của cải vật chất và nâng cao những giá trị tinh thần của con người. Đây là nền kinh tế phát triển chủ yếu bởi sức mạnh của tri thức trong việc vận dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế.” (Trích SGK – Kết nối tri thức trang 21- NXB Giáo dục Việt Nam)

- a. Giáo dục có vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức.
- b. Sở hữu trí tuệ là nguồn lực quan trọng trong nền kinh tế tri thức.
- c. Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo thay thế hoàn toàn sức lao động của con người.
- d. Trong nền kinh tế tri thức công nghiệp là ngành đóng góp nhiều nhất vào GDP.

Câu 11. Cho bảng số liệu

GDP CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2022 (TỈ USD)

Quốc gia	Thế giới	Nhật Bản	Đức	Anh
GDP	84993,8	5040,1	3846,4	2756,9

Theo bảng số liệu trên, những nhận định sau đây là đúng hay sai?

- a) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022.
- b) GDP của Đức năm 2022 chiếm 15 % của thế giới.
- c) GDP của Anh năm 2022 chiếm 3,24 % trên thế giới.
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu GDP của một số quốc gia trên thế giới năm 2022.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của một số quốc gia năm 2020

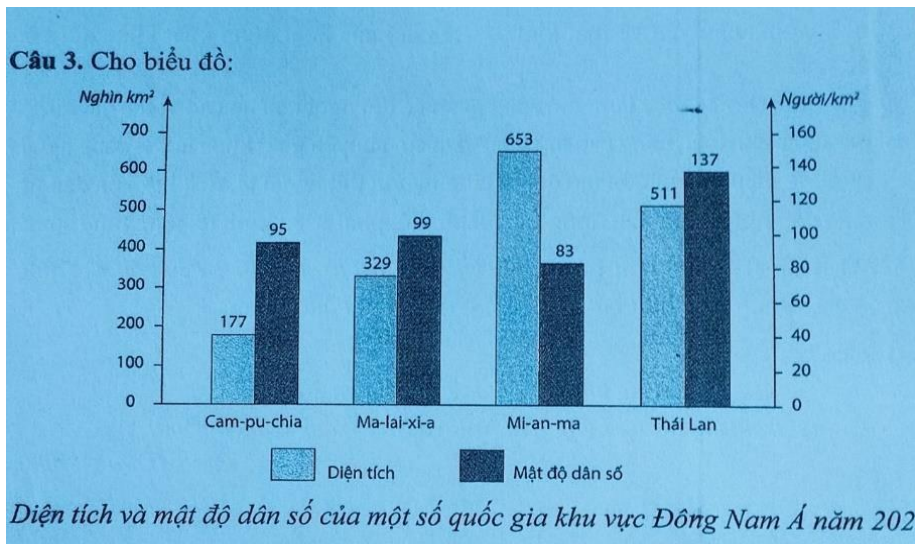
(Đơn vị: tỉ USD)

Quốc gia	Thái Lan	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin	Mi-an-ma
Tiêu chí				
Trị giá xuất khẩu	258,2	207,0	91,1	22,6
Trị giá nhập khẩu	233,4	185,3	119,2	20,9

(Nguồn: WB năm 2022)

- a) Ma-lai-xi-a có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.
- b) Thái Lan, Phi-lip-pin và Mi-an-ma là nước nhập siêu.
- c) Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Mi-an-ma là nước xuất siêu.
- d) Thái Lan có tổng trị giá xuất nhập khẩu lớn nhất trong các quốc gia kể trên.

Câu 13. Cho biểu đồ



- Ma-lai-xi-a mà có diện tích lớn nhất các quốc gia kể trên.
- Thái Lan có mật độ dân số cao nhất trong các quốc gia kể trên.
- Ma-lai-xi-a có diện tích chỉ bằng 1/3 diện tích Mianma
- Thái Lan có mật độ dân số gấp 2 lần mật độ dân số Cam-pu-chia.

Câu 14: Đọc thông tin sau:

“...Đồng Ô-rô được chính thức đưa vào lưu hành năm 1999, đây là kết quả của sự nhất thể hoá EU. Việc đưa vào sử dụng đồng Ô-rô có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao sức cạnh tranh của thị trường Châu Âu, xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ, tạo thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh...”

Trích, SGK Chân Trời sáng tạo trang 47, NXB GD.

- Đồng Ô-rô là một trong những đồng tiền có ảnh hưởng quan trọng đối với thế giới.
- Đồng Ô-rô giúp nâng cao sức cạnh tranh của thị trường Châu Âu.
- Tất cả các thành viên của EU đều sử dụng đồng tiền chung Ô-rô.
- Sự ra đời của đồng Ô-rô thúc đẩy sự phát triển kinh tế giữa các quốc gia đồng thời tăng sự đoàn kết hoà bình trong khu vực Châu Âu.

Câu 15: Cho đoạn thông tin sau:

“...EU là một tổ chức kinh tế khu vực có vị trí quan trọng trên thế giới. Mục tiêu của EU là thúc đẩy tự do lưu thông, tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt. Việc thúc đẩy thị trường chung châu Âu không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và cân bằng của khu vực, từ đó tạo ra cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội của toàn bộ EU...”

- Mục đích của thiết lập thị trường chung là tăng cường liên kết giữa các quốc gia thành viên về mọi mặt.
- EU là trung tâm kinh tế đứng thứ 1 thế giới.
- Mặt hàng nhập khẩu của EU chủ yếu là hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị, khoáng sản.

d.EU đã thiết lập một thị trường chung với 4 mặt tự do lưu thông: hàng hoá, con người, dịch vụ và tiền vốn.

III. CÂU TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN.

Câu 1: Cho Bảng số liệu sau:

Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ toàn thế giới giai đoạn 2000 -2020
(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí năm	2000	2020
Xuất Khâu	7 961,7	22 594,7
Nhập Khâu	7 927,2	21 949 6
Tổng	15 888,9	44 644,3

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tỉ trọng xuất khẩu của thế giới năm 2020 là bao nhiêu? (Làm tròn đến một chữ số thập phân)

Câu 2: Bảng: Tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, giá trị GDP toàn thế giới, giai đoạn 1990 -2020

(Đơn vị: Tỉ USD)

Tiêu chí năm	1990	2000	2010	2020
Tổng trị giá XN khẩu	8 766,0	16 038,5	37 917,9	44 071,3
Giá trị GDP	22 779,9	33 830,8	66 596,0	84 906,8

(Nguồn : Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tốc độ tăng trưởng của GDP 2020 là bao nhiêu (%) – (Làm tròn đến hàng đơn vị)

Câu 3: Năm 2000 tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đạt 1,4 tỉ USD, năm 2021 đã lên đến 1,6 000 tỉ USD. Vậy năm 2021 tổng vốn đầu tư nước ngoài so với năm 2000 gấp bao nhiêu lần= ?

Câu 4: Năm 2021 tổng GDP Ca- na đa là 1990,8 tỉ USD, dân số 37 triệu người. tính GDP/ người Ca na đa năm 2021 (đơn vị : nghìn USD/ người / năm)?

Câu 5: Năm 2021 thế giới có khoảng 2,3 tỉ người bị đói thiếu dinh dưỡng, chiếm 29,3% dân số thế giới. Vậy dân số thế giới năm 2021 bao nhiêu tỉ người ?

Câu 6: Cho bảng số liệu sau: Giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của EU năm 2010 và 2021

Đơn vị: tỉ USD.

Năm	2010	2021
Xuất khẩu	5 865	8 670,6
Nhập khẩu	5 633	8016,6

Cán cân xuất nhập khẩu của EU năm 2021 là bao nhiêu tỉ USD? (Làm tròn đến hàng đơn vị).

Câu 7: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	1913,6
Dân số (triệu người)	268,4

(Nguồn: Niên giám thống kê nước ngoài 2019, NXB Thống kê 2020)

Năm 2021 mật độ dân số của một số của In-đô-nê-xi-a là bao nhiêu người/ km²? (Làm tròn đến hàng đơn vị.)

Câu 8. Cho biết tổng GDP của toàn thế giới năm 2020 đạt 84,9 nghìn tỉ USD và Liên Bang Nga đạt 1483,5 tỉ USD. Hỏi GDP của Liên Bang Nga chiếm bao nhiêu % trong tổng GDP của thế giới? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 9. Cho biết diện tích tự nhiên của LB Nga là 17 triệu km² và diện tích rừng là 8,86 triệu km² (năm 2020), hãy tính tỷ lệ che phủ rừng của LB Nga vào năm 2020? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Phần II. TỰ LUẬN

Lí thuyết

Câu 1. Trình bày biểu hiện hợp tác, liên kết trong nội khối EU.

Câu 2. Nêu đặc điểm dân cư khu vực Đông Nam Á? Phân tích tác động của dân cư đến phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

Câu 3. So sánh mục tiêu của ASEAN với EU.

Câu 4. Trình bày và giải thích tình hình phát triển dịch vụ ở khu vực Đông Nam Á.

Thực hành

Dạng 1. Đọc lược đồ, biểu đồ.

Dạng 2. Vẽ biểu đồ tốc độ tăng trưởng.

-----HẾT-----